TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2019/DS-PT
Ngày 24 – 6 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2019/QĐPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Đào Quốc L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khóm 4, phường 1, thành phố Ç tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Anh Đặng Minh H, sinh năm 1980; địa chỉ: khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh C(Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2018) (Có mặt).

-*Bị đơn:* Bà Lê Mộng Q, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Việt D, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Mộng Q, là bị đơn; ông Trần Việt D, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của ông Đào Quốc L và người đại diện theo ủy quyền của ông L trình bày:

Vào ngày 22/9/2018, ông L có cho bà Lê Mộng Q vay số tiền 720.000.000 đồng, không lãi suất. Thời hạn trả tiền: 03 tháng đầu mỗi tháng trả 15.000.000 đồng, từ tháng thứ 4 trở về sau mỗi tháng trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Khi vay tiền chỉ có một mình bà Q ký vào biên nhận nợ, nhưng bà Q nói vay để sửa nhà và sử dụng vào mục đích chung của gia đình, việc vay này ông Trần Việt D chồng bà Q cũng biết.

Sau khi vay, bà Q không thực hiện thanh toán đúng theo cam kết. Do đó, ông L yêu cầu bà Q và ông D có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền vốn 720.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 22/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 06 tháng 06 ngày bằng 74.102.400 đồng; tổng cộng vốn, lãi bằng 794.102.400 đồng.

- Theo bà Lê Mộng Q trình bày:

Bà Q xác định không có nợ ông L số tiền 720.000.000 đồng. Việc giao dịch vay là giữa ông L với bà Phượng. Do bà là bạn của bà Phượng, nên bà Phượng nhờ bà nhận tiền dùm; bà nhận 03 lần tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ ông L ông đã giao trực tiếp lại cho bà Phượng tại quán cà phê, việc giao tiền cho bà Phượng không có làm biên nhận và cũng không ai chứng kiến. Sau đó, ông L uy hiếp ép buộc bà ký vào biên nhận nợ, bà đã không đọc nội dung. Sau khi ký vào biên nhận nợ, ông L đến nhà bà yêu cầu bà trả số tiền trên nhưng bà không đồng ý nên hai bên xảy ra cự cãi, bà có trình báo Công an phường 9, thành phố Cà Mau mời làm việc. Bà xác định chữ ký Lê Mộng Q trong giấy mượn tiền ngày 22/9/2018 là do bà ký và viết ra nhưng bà không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu ông L, vì đây là số tiền bà Phượng nợ của ông L chứ không phải bà.

- Theo ông Trần Việt D trình bày:

Ông D không biết việc giao dịch giữa bà Q với ông L, khi bà Q báo cho ông biết việc ông L cho người đến uy hiếp buộc bà Q ký tên vào giấy biên nhận nợ thì ông mới biết. Khi đó, bà Q cho ông biết đây là tiền nợ của bà Phượng, bà Q chỉ đứng ra làm trung gian và nhận tiền dùm cho bà Phượng. Ông không đồng ý cùng bà Q trả nợ theo yêu cầu ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quốc L. Buộc bà Lê Mộng Q và ông Trần Việt D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào Quốc L số tiền 794.102.400 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/4/2019 bà Lê Mộng Q, ông Trần Việt D có đơn kháng cáo; bà Q chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền 250.000.000 đồng, ông D không đồng ý trả nợ cùng bà Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Hải giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông L; bà Q bổ sung kháng cáo, yêu cầu xem xét lại phần lãi suất; ông Trần Việt D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt D; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Mộng Q, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Mộng Q và ông Trần Việt D: Ông Đào Quốc L khởi kiện yêu cầu bà Q và ông D thanh toán cho ông L số tiền vốn 720.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày 22/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (thời gian 06 tháng 06 ngày) bằng 74.102.400 đồng. Bà Q không thừa nhận có nợ tiền của ông L, bà Q chỉ nhận tiền dùm cho bà Phượng số tiền 250.000.000 đồng, do ông L cho người uy hiếp ép buộc bà ký vào biên nhận nợ chứ thực tế bà Q không có nợ số tiền này; bà Q không đồng ý trả nợ theo yêu cầu ông L. Ông D cho rằng ông không hay, không biết việc bà Q nợ tiền ông L, ông D không đồng ý cùng bà Q trả nợ theo yêu cầu ông L.

[2] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hồ sơ thể hiện biên nhận nợ ngày 22/9/2018 có ký và ghi tên bà Lê Mộng Q, nội dung bà Q có mượn của ông L số tiền 720.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Q thừa nhận vào ngày 22/9/2018 có ký vào biên nhận nợ ông L với số tiền 720.000.000 đồng, chữ ký trong biên nhận ngày 22/9/2018 có trong hồ sơ là do bà ký, nhưng bà cho rằng biên nhận này là do ông L uy hiếp ép buộc bà ký; bà Q chỉ có nhận tiền từ ông L dùm bà Phượng số tiền 250.000.000 đồng. Nhưng bà Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà nhận tiền dùm cho bà Phượng và việc ông L uy hiếp ép buộc bà Q ký vào biên nhận nợ ngày 22/9/2018 như bà Q trình bày.

[3] Mặc khác, tại biên bản làm việc về việc trình báo của bà Q ngày 25/10/2018 và biên bản ghi lời khai bà Q ngày 25/10/2018 do Công an phường 9, thành phố Cà Mau lập, bà Q thừa nhận có nợ ông L số tiền 720.000.000 đồng; lời trình bày của bà Q không có thể hiện việc bà nhận tiền dùm cho bà Phượng cũng như việc ông L uy hiếp ép buộc bà ký biên nhận nợ. Do đó, án sơ thẩm xác định bà Q có nợ ông L số tiền 720.000.000 đồng và buộc bà Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông L là có căn cứ.

[4] Theo thoả thuận về việc trả nợ, ba tháng đầu bà Q trả mỗi tháng 15.000.000 đồng, từ tháng thứ tư trở về sau bà Q trả mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền mượn. Do bà Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận nên ông L yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (06

tháng 06 ngày) là phù hợp. Tuy nhiên, án sơ thẩm tính lãi suất của tổng số tiền 720.000.000 đồng và mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 bằng 20%/ năm là chưa đúng với quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại phần lãi suất đối với số tiền bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán và mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 bằng 10%/ năm là phù hợp. Mức lãi suất được điều chỉnh tương ứng từng khoản tiền, thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán cụ thể như sau:

+ Tháng thứ 1: 15.000.000 đồng x 10%/năm x 06 tháng 06 ngày = 774.690 đồng;

+ Tháng thứ 2: 15.000.000 đồng x 10%/năm x 05 tháng 06 ngày = 649.740 đồng;

+ Tháng thứ 3: 15.000.000 đồng x 10%/năm x 04 tháng 06 ngày = 524.790 đồng;

+ Tháng thứ 4: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 03 tháng 06 ngày = 799.680 đồng;

+ Tháng thứ 5: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 02 tháng 06 ngày = 549.780 đồng;

+ Tháng thứ 6: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 01 tháng 06 ngày = 299.880 đồng.

Tổng số tiền lãi bằng 3.598.560 đồng. Tổng cộng vốn, lãi buộc bà Q phải thanh toán cho ông L bằng 723.598.560 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông L với số tiền bằng 70.503.750 đồng.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ của ông D, mặc dù khoản nợ bà Q nợ ông L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Q và ông D, nhưng ông D xác định khi bà Q và ông L giao dịch mượn tiền với nhau ông hoàn toàn không biết, số tiền này bà Q cũng không sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình. Tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng không có căn cứ chứng minh khi bà Q và ông L giao dịch mượn tiền với nhau ông D biết và số tiền này bà Q sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình như ông L trình bày. Mặt khác, tại giấy biên nhận nợ ngày 22/9/2018 do chính ông L viết cho bà Q ký tên có nội dung: "Tôi tên: Đào Quốc L có cho Lê Mộng Q mượn số tiền 720.000.000 đồng …", không ghi vợ chồng bà Q hoặc bà Q và ông D và chỉ có bà Q ký tên người mượn tiền. Do đó, không có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà Q và ông D để buộc ông D có nghĩa vụ trả nợ cùng bà Q. Án sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng và buộc ông D có nghĩa vụ trả nợ cùng bà Q là chưa phù hợp.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Mộng Q, chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt D, sửa một phần bản án dân

sự sơ thẩm số: 23/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là có căn cứ.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm, bà Q và ông L phải chịu theo quy định pháp luật. Án phí dân sự phúc thẩm, bà Q và ông D không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Mộng Q.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt D.

Sửa một phần bản án dân sự số 23/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quốc L. Buộc bà Lê Mộng Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào Quốc L số tiền 723.598.650 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quốc L đối với số tiền yêu cầu bà Q phải thanh toán 70.503.750 đồng và yêu cầu buộc ông Trần Việt D có nghĩa vụ cùng bà Q thanh toán số tiền nợ cho ông L.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Q chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà Q còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Mộng Q phải chịu 32.903.920 đồng, ông Đào Quốc L phải chịu 3.525.187 đồng. Ngày 30/10/2018, ông L đã dự nộp 16.695.000 đồng theo biên lai số 0001565 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, đối trừ ông L được nhận lại 13.169.813 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Mộng Q, ông Trần Việt D không phải chịu. Ngày 08/4/2019 bà Q dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002330, ông D dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002331 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân TP.Cà Mau;*
- *Chi cục THADS TP.Cà Mau;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập